

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST

Ngày: 20 - 5 - 2021

Về tranh chấp: “Hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Phạm Thị Yến.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Lý;

Ông Hồ Văn Khang.

- Thư ký phiên tòa: ông **Lê Hoàng Liêm** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Lệ Quyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị **N. K. L**, sinh năm 1974; địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

- *Bị đơn:* chị **N. T. K. L1**, sinh năm 1979; địa chỉ: khu phố X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh **Đ. T. A**, sinh năm 1972; địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

+ Anh **N. V. G** (tên gọi khác: **S**), sinh năm 1977; địa chỉ: ấp 1, xã T, thị xã Z, tỉnh Tây Ninh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 01 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị N. K. L trình bày:

Vợ chồng chị làm nghề mổ thịt heo, vợ chồng chị N. T. K. L1 và anh N. V. G (tên gọi khác là S) làm nghề bán thịt heo tại khu công nghiệp Trảng Bàng thuộc thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2018, vợ chồng chị L1, anh G có mua thịt heo của vợ chồng chị để bán kiếm lời. Hàng ngày, sau khi mổ thịt heo xong chị hoặc nhân viên của chị chở thịt đến nơi chị L1, anh G bán để giao thịt. Mỗi lần giao thịt heo cho chị L1 chị có ghi vào sổ cái của chị để theo dõi nhưng chị L1 không ký tên vào sổ theo dõi của chị. Ngoài ra, chị L1 cũng có một cuốn sổ theo dõi riêng. Khi đem thịt heo đến giao chị có viết thêm một miếng giấy nhỏ trong đó ghi cụ thể số lượng thịt heo, giá tiền và giao cho chị L1 nhưng hai bên cũng không có ký nhận. Qua ngày hôm sau vợ chồng chị L1 sẽ thanh toán tiền thịt heo cho vợ chồng chị nhưng thường chị L1 không trả đủ mà có nợ lại mỗi lần một khoản tiền. Mỗi lần chị L1 trả tiền cho chị đều có cầm theo cuốn sổ của chị L1 và chị trực tiếp ghi số tiền mà chị L1 trả, số tiền còn nợ vào sổ theo dõi của chị L1. Đến năm 2018 thì chị L1, anh G không bán thịt heo nữa, hai bên cộng sổ và thống nhất số tiền mua thịt heo chị L1, anh G còn nợ vợ chồng chị là 396.681.600 đồng nhưng làm tròn là 396.681.000 (Ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng. Do hai bên có mối quan hệ họ hàng nên khi cộng sổ và chốt nợ hai bên chỉ nói miệng với nhau mà không lập văn bản, chị L1 cũng hứa miệng sẽ trả dần cho chị mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, từ năm 2018 cho đến năm 2020 chị đã đòi tiền nhiều lần nhưng chị L1, anh G vẫn không trả cho chị được số tiền nào. Đến ngày 28/7/2020, chị gặp chị L1 yêu cầu trả nợ, chị L1 không có tiền trả nên chị yêu cầu chị L1 viết giấy xác nhận nợ thì chị L1 viết giấy xác nhận còn nợ chị số tiền 396.681.600 đồng nhưng làm tròn là 396.681.000 (Ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng. Sau khi viết giấy nợ chị L1 vẫn xin trả dần nhưng cho đến nay vẫn không trả cho vợ chồng chị được số tiền nào. Khi viết giấy nợ chị L1 không có thể chấp tài sản gì cho chị. Mặc dù giấy nhận nợ do một mình chị L1 ký tên nhưng vợ chồng chị L1, anh G cùng bán thịt heo ở khu công nghiệp Trảng Bàng, những lần chị đến giao thịt heo mà chị L1 không có mặt ở đó thì anh G là người nhận thịt heo, cũng có lần anh G trực tiếp đến nhà chị chở thịt heo về bán, có lần anh G cầm tiền đến trả cho chị. Trong thời gian chị L1 bán thịt heo thì chị L1 không còn làm công việc gì khác, thu nhập từ việc bán thịt heo chị L1 sử dụng để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình. Do đó, chị xác định số tiền 396.681.000 đồng là nợ chung của chị L1 và anh G nên chị yêu cầu chị N. T. K. L1 và anh N. V. G (tên gọi khác là S) cùng có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị số

tiền 396.681.000 (Ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng, chị không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N. K. L cung cấp chứng cứ là giấy nhận nợ ngày 28/7/2020 do chị N. T. K. L1 viết và ký tên với số tiền nhận nợ 396.681.600 đồng, làm tròn là 396.681.000 (Ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng. Tại phiên toà sơ thẩm chị N. K. L cung cấp bản phô tô sổ theo dõi số tiền chị L1 mua thịt heo từ năm 2014 đến năm 2018 còn nợ tổng cộng là 399.697.400 (Ba trăm chín mươi chín triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm) đồng. Do có sự sai sót khi tính toán nên khi cộng sổ chị và chị L1 chốt nợ số tiền 396.681.000 đồng. Tại phiên toà, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chị N. T. K. L1 và anh N. V. G (tên gọi khác là S) cùng có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị số tiền 396.681.000 (Ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng, chị không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu gì khác. Do bản gốc sổ theo dõi tiền nợ thịt heo chị ghi của nhiều người nên chị không đồng ý cung cấp bản gốc cho Toà án.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm bị đơn – chị N. T. K. L1 trình bày:

Chị L1 thừa nhận trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2018 chị có mua thịt heo của vợ chồng chị L, anh A để bán lại kiếm lời. Mỗi lần chị L chở thịt heo đến thì chị L có ghi cho chị một tờ giấy thể hiện số lượng thịt heo là bao nhiêu kg, giá tiền bao nhiêu, qua ngày hôm sau chị cầm tờ giấy mà chị L viết kẹp chung với tiền đến trả cho chị L. Tuy nhiên, chị không trả hết số tiền mua thịt heo mà thường thiếu lại một khoản tiền. Đến năm 2018 thì chị không bán thịt heo nữa. Lúc này vợ chồng chị L có yêu cầu chị thanh toán số tiền mua thịt heo còn nợ nhưng chị không có tiền trả một lần nên xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Do hoàn cảnh khó khăn nên chị không trả cho chị L được số tiền nào. Đến tháng 7/2020 thì chị L gặp chị yêu cầu viết giấy nợ nên ngày 28/7/2020 chị có viết giấy xác nhận còn nợ chị L số tiền 396.681.600 đồng, làm tròn là 396.681.000 (Ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng. Sau khi viết giấy nợ chị vẫn xin chị L trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng chị không có tiền nên vẫn chưa trả cho chị L được khoản tiền nào. Do vợ chồng chị và chị L, anh A có quan hệ họ hàng nên khi chị nghỉ bán thịt heo chị có yêu cầu chị L cộng sổ lại thiếu bao nhiêu chị sẽ trả dần còn thực tế hai bên không ngồi cộng sổ để chốt nợ. Bản thân chị cũng không ghi sổ để theo dõi nên không có chứng cứ gì để cung cấp cho Toà án. Tuy nhiên, chị xác nhận còn nợ chị L, anh A số tiền mua thịt heo là 396.681.000 (Ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng và đồng ý viết giấy nhận nợ cho chị N. K. L. Nay chị đồng

ý trả cho chị N. K. L và anh Đ. T. A số tiền 396.681.000 (Ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Trong thời gian chị bán thịt heo, ngày nào anh G không đi làm hoặc buổi chiều đi làm về sớm thì anh G có phụ chị bán thịt heo. Tuy nhiên, hiện tại anh G đang bị bệnh, không có việc làm, không có thu nhập nên một mình chị sẽ chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 396.681.000 đồng cho vợ chồng chị L, anh A, chị không đồng ý buộc anh G cùng trả nợ. Đối với các chứng cứ là sổ theo dõi tiền nợ từ năm 2014 đến năm 2018 do nguyên đơn cung cấp tại phiên toà thì chị không có ý kiến gì đối với những chứng cứ mới này.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Đ. T. A trình bày:

Anh A thống nhất với lời trình bày của chị N. K. L và có cùng ý kiến với yêu cầu khởi kiện của chị L. Số tiền 396.681.000 đồng mà chị L đang khởi kiện chị N. T. K. L1 và anh N. V. G là tài sản chung của vợ chồng anh. Theo sổ theo dõi tiền nợ từ năm 2014 đến năm 2018 thì thực tế số tiền vợ chồng chị L1, anh G còn nợ vợ chồng anh là 399.697.400 (Ba trăm chín mươi chín triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm) đồng. Do có sự sai sót khi tính toán nên khi cộng sổ vợ anh và chị L chỉ chốt nợ số tiền 396.681.000 đồng. Tại phiên toà chị L chỉ yêu cầu chị N. T. K. L1 và anh N. V. G trả số tiền 396.681.000 đồng nên nay anh cũng yêu cầu vợ chồng chị L, anh G cùng có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh số tiền 396.681.000 (Ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh N. V. G trình bày:

Anh là chồng của chị N. T. K. L1. Trước đây vợ anh có làm nghề bán thịt heo nhưng bán từ thời gian nào thì anh không nhớ. Nguồn thịt heo do vợ anh mua của vợ chồng chị N. K. L và anh Đ. T. A. Đến khoảng cuối năm 2018, đầu năm 2019 thì vợ anh không bán thịt heo nữa. Trong thời gian chị L1 làm nghề bán thịt heo thì anh làm thuê. Ngày nào anh không đi làm thì có phụ chị L1 bán hịt heo, cũng có lần vợ anh nhờ anh cầm tiền đến trả cho chị L. Tuy nhiên, việc giao dịch mua bán là thoả thuận giữa vợ anh với vợ chồng chị L, anh A nên số tiền 396.681.000 đồng là nợ riêng của vợ anh đối với chị L, anh A, anh không biết khoản nợ này cũng không liên quan gì đến khoản nợ này nên anh không đồng ý cùng chị Loan trả nợ cho vợ chồng chị N. K. L và anh Đ. T. A.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Anh N. V. G có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Gá là phù hợp theo các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị N. T. K. L1 và anh N. V. G có nghĩa vụ trả cho chị N. K. L và anh Đ. T. A số tiền 396.681.000 (Ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh N. V. G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Gá theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng mua bán thịt heo với nhau trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2018. Nguyên đơn cho rằng sau khi bị đơn không mua thịt heo của nguyên đơn nữa thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền mua thịt heo là 396.681.000 đồng và khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 396.681.000 đồng nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố Z, phường Y, thị xã Z, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Việc mua bán giữa nguyên đơn và bị đơn chấm dứt vào tháng 5/2018. Đến ngày 28/7/2020 bị đơn viết giấy xác nhận nợ cho nguyên đơn. Ngày 22/01/2021, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua thịt heo còn nợ. Do đó, thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn theo Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu trả số tiền 396.681.000 đồng của nguyên đơn thấy rằng:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2018 bị đơn có mua thịt heo của nguyên đơn để bán lại kiếm lời. Hình

thức mua bán và phương thức thanh toán là vào thời điểm khuya hoặc trưa mỗi ngày phía nguyên đơn sẽ đem thịt heo đến địa điểm nơi bị đơn bán để giao thịt heo, cuối ngày hoặc qua ngày hôm sau bị đơn sẽ thanh toán tiền cho nguyên đơn nhưng không thanh toán hết toàn bộ mà xin nợ lại một khoản tiền. Nguyên đơn trình bày mỗi lần giao thịt và tính tiền thì nguyên đơn đều ghi vào sổ để theo dõi và phía bị đơn cũng có một cuốn sổ theo dõi riêng. Đến năm 2018, khi bị đơn không bán thịt heo nữa thì hai bên có cộng sổ và thống nhất số tiền mua thịt heo bị đơn còn nợ nguyên đơn là 396.681.000 (Ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng. Do hai bên có mối quan hệ họ hàng nên khi cộng sổ và chốt nợ hai bên chỉ nói miệng với nhau chứ không lập văn bản. Bị đơn trình bày mỗi lần nguyên đơn đem thịt heo đến giao thì có viết một miếng giấy nhỏ trong đó ghi số lượng thịt heo, đơn giá, tổng tiền và giao cho bị đơn. Qua ngày hôm sau bị đơn kẹp tiền cùng tờ giấy do nguyên đơn viết đem trả cho nguyên đơn, bản thân bị đơn không có ghi sổ theo dõi riêng. Bị đơn thừa nhận những lần mua thịt heo bị đơn không thanh toán hết số tiền mua thịt heo mà thường nợ lại một khoản tiền. Đến năm 2018 bị đơn không mua thịt heo của nguyên đơn nữa. Lúc này, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua thịt heo còn nợ nên bị đơn yêu cầu nguyên đơn cộng sổ còn nợ bao nhiêu thì bị đơn xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng chứ hai bên không ngồi lại đối chiếu sổ sách với nhau như lời nguyên đơn trình bày. Tuy bị đơn không thừa nhận có ngồi đối chiếu sổ sách với nguyên đơn nhưng bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền mua thịt heo là 396.681.000 (Ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng và đồng ý viết giấy nhận nợ cho nguyên đơn vào ngày 28/7/2020. Xét việc bị đơn viết giấy nhận nợ xác nhận còn thiếu nguyên đơn số tiền 396.681.000 (Ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay đe dọa. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn cũng xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 396.681.000 (Ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng và từ ngày viết giấy nhận nợ đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn được số tiền nào. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua. Do đó, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền mua thịt heo còn nợ là 396.681.000 (Ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với chứng cứ là sổ theo dõi tiền nợ từ năm 2014 đến năm 2018 do nguyên đơn cung cấp tại phiên toà thể hiện tổng số tiền mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là 399.697.400 (Ba trăm chín mươi chín triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm) đồng nhưng không có chữ ký xác nhận của bị đơn. Tại phiên toà bị đơn cũng không có ý kiến gì đối với chứng cứ nêu trên và nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 396.681.000 (Ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám

mười một nghìn) đồng theo giấy xác nhận nợ ngày 27/8/2020 và không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Xét yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh N. V. G cùng liên đới trả nợ của nguyên đơn thấy rằng:

Số tiền 396.681.000 đồng mà chị N. T. K. L1 nợ chị N. K. L là tiền chị N. T. K. L1 mua thịt heo của chị N. K. L để bán lại kiếm lời. Đây là giao dịch hợp pháp được xác lập trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L1 và anh G. Mặt khác, chị L1 và anh G đều thống nhất trình bày trong khoảng thời gian chị L1 làm nghề bán thịt heo thì chị L1 không làm công việc gì khác, thời gian rảnh thì chị L1 làm công việc nội trợ và đưa rước con đi học. Tiền lời từ việc bán thịt heo chị L1 sử dụng để nuôi con ăn học, lo chi phí sinh hoạt trong gia đình. Chị L1 và anh G cũng thống nhất trình bày thời gian rảnh thì anh G vẫn phụ chị L1 bán thịt heo và nhận thịt heo thay chị L1 hoặc đem tiền đến trả cho nguyên đơn thay cho chị L1. Vì vậy, anh G phải có nghĩa vụ cùng chị L1 trả cho nguyên đơn số tiền 396.681.000 đồng theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Xét ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Đ. T. A thấy rằng: Chị L và anh A là vợ chồng và cùng làm nghề mổ thịt heo để bán nên số tiền 396.681.000 đồng mà chị L khởi kiện yêu cầu chị N. T. K. L1 và anh N. V. G trả nợ là tài sản chung của chị N. K. L và anh Đ. T. A. Như vậy, chị N. T. K. L1 và anh N. V. G có nghĩa vụ trả cho chị N. K. L và anh Đ. T. A số tiền 396.681.000 (Ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng.

[8] Chị L1 xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 396.681.000 đồng, đây là vấn đề là thuộc giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên chị N. T. K. L1 và anh N. V. G phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Án phí được tính như sau:

$396.681.000 \text{ đồng} \times 5\% = 19.834.000$ (Mười chín triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[10] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng buộc chị N. T. K. L1 và anh N. V. G cùng có nghĩa vụ trả cho chị N. K. L và anh Đ. T. A số tiền 396.681.000 là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. K. L đối với chị N. T. K. L1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

Buộc chị N. T. K. L1 và anh N. V. G (tên gọi khác: S) có nghĩa vụ trả cho chị N. K. L và anh Đ. T. A số tiền 396.681.000 (Ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị N. T. K. L1 và anh N. V. G phải chịu 19.834.000 (Mười chín triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn) đồng.

Hoàn trả cho chị N. K. L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.917.000 (Chín triệu chín trăm mười bảy nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015155 ngày 25/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N. V. G được quyền được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Phạm Thị Yến